

Số: 01/2022/QĐST-DS

Đ, ngày 05 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Làng Trung 2, xã Y, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã TA, huyện Đ, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Lê Thị P công nhận bà có nợ bà Lê Thị Minh T số tiền nợ gốc 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng).

2.2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

Bà Lê Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh T số tiền nợ gốc 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng), cụ thể như sau: trả dần hàng tháng trong vòng 26 tháng, mỗi tháng trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng), trả vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2022 đến tháng 3/2024.

Trường hợp bà P vi phạm một trong các lần trả nợ thì bà T có quyền yêu cầu bà P trả toàn bộ số nợ còn lại.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

*Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.*

2.3. Về án phí: Các bên hòa giải thành nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là:  $78.000.000đ \times 5\% : 2 = 1.950.000đ$  (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Lê Thị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000 đồng.

Bà Lê Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0004011 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Yến Ngọc**